ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ HƯNG HÀ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2374/QĐ-UBND	*Hưng Hà, ngày 22 tháng 9 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH

V/v thu hồi đất để thực hiện dự án Phát triển nhà ở khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Hồng Lĩnh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (nay là xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên)
Địa điểm: thôn Hồng Lĩnh, xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HƯNG HÀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/06/2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật nhà ở số 27/2023/QH15, Luật kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ: Số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; Số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/08/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 13/4/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên: Số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 ban hành Quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Số 13/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 về việc phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Số 30/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 ban hành Quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai và Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng

Yên; Số 31/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 Quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai áp dụng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Văn bản số 314/UBND-CTXDGT ngày 22/01/2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Phát triển nhà ở khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Hồng Lĩnh, huyện Hưng Hà;

Căn cứ Quyết định số 830/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình phê duyệt danh sách xếp hạng nhà đầu tư và kết quả lựa chọn nhà đầu tư Dự án phát triển nhà ở Khu dân cư nông thôn kiểu mẫu tại xã Hồng Lĩnh, huyện Hưng Hà;

Căn cứ Quyết định số 6848/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của Uỷ ban nhân dân huyện Hưng Hà về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Hồng Lĩnh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 459/TTr-KT ngày 22/9/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi 11.976,3m^2 đất nghĩa trang (NTD), đất giao thông (DGT), đất thủy lợi (DTL) thuộc các thửa đất được xác định theo tờ đo đạc bản đồ địa chính số 01-2025 tỷ lệ 1/1000 do Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Quốc Hưng lập và được Văn phòng Đăng ký đất đai Thái Bình thẩm định ngày 17/4/2025, địa điểm tại thôn Hồng Lĩnh - xã Hưng Hà - tỉnh Hưng Yên (*Có danh sách chi tiết kèm theo*).

Lý do thu hồi đất: Thực hiện dự án Phát triển nhà ở khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Hồng Lĩnh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (nay là xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên).

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau:

1. Phòng Kinh tế xã chủ trì, phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Hưng Yên, Cơ sở thôn Hồng Lĩnh có trách nhiệm niêm yết Quyết định này tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Hưng Hà và tại Nhà văn hóa thôn Hồng Lĩnh.

2. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên trang thông tin điện tử của xã.

3. Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Hưng Yên có trách nhiệm quản lý quỹ đất đã thu hồi, phối hợp với phòng Kinh tế xã thực hiện thủ tục đất đai theo quy định.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội, Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Hưng Yên,

Trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Đ/c Chủ tịch, các đ/c PCT UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Trường

DANH SÁCH THU HỒI ĐẤT

Để thực hiện dự án Phát triển nhà ở khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Hồng Lĩnh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (nay là xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên)

Địa điểm: thôn Hồng Lĩnh, xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên

(Kèm theo Quyết định số 2374/QĐ-UBND ngày 22/9/2026 của UBND xã Hưng Hà)

Stt	Họ và tên chủ sử dụng đất (Đại diện tổ chức, hộ gia đình, cá nhân)	Địa chỉ thửa đất (Thôn)	Tờ bản đồ địa chính	Số thửa	Loại đất thu hồi	Diện tích thu hồi (m^2)	Ghi chú
1	UBND xã Hưng Hà	Hồng Lĩnh	TĐ: 01-2025	62	NTD	208,2	
				66	NTD	251,2	
				69	NTD	75,0	
				90	NTD	324,5	
				3001	DGT	73,9	
				3002	DGT	369,0	
				3003	DGT	54,6	
				3004	DGT	54,7	
				3005	DGT	330,7	
				3006	DGT	49,5	
				3007	DGT	1.731,0	
				3008	DGT	425,2	
				3009	DGT	178,9	
				3010	DGT	203,8	
				3011	DGT	322,4	
				3012	DGT	83,6	
				3013	DGT	107,2	
				3014	DGT	117,6	
				3015	DGT	320,7	
				3016	DGT	130,4	
				3017	DGT	204,5	
				3018	DGT	407,7	
				3019	DGT	527,4	
				3020	DGT	522,4	
				3021	DGT	72,6	
				3022	DGT	105,6	

Stt	Họ và tên chủ sử dụng đất (Đại diện tổ chức, hộ gia đình, cá nhân)	Địa chỉ thửa đất (Thôn)	Tờ bản đồ địa chính	Số thửa	Loại đất thu hồi	Diện tích thu hồi (m^2)	Ghi chú
1	UBND xã Hưng Hà	Hồng Lĩnh		3023	DGT	50,6	
				3024	DGT	238,3	
				3025	DGT	88,8	
				3026	DGT	110,2	
				3027	DGT	116,7	
				3028	DGT	86,3	
				3029	DGT	2.112,5	
				3030	DGT	2,6	
				3031	DGT	278,2	
				4001	DTL	156,5	
				4002	DTL	164,3	
				4003	DTL	174,1	
				4004	DTL	184,1	
				4005	DTL	158,5	
				4006	DTL	106,4	
				4007	DTL	276,2	
				4008	DTL	63,3	
				4009	DTL	356,4	
Tổng cộng						**11.976,3**	